

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình
Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa phục vụ
công tác bồi thường, GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B
(Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 28/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh tại Tờ trình số 168/TTr-BQL ngày 25/4/2019 và Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 2473/SXD-ĐT&HT ngày 21/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa phục vụ công tác bồi thường, GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2, với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa phục vụ công tác bồi thường, GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2.

2. Thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2.

3. Loại, cấp công trình:

- Hạng mục Đường giao thông: Công trình giao thông, cấp IV.

- Hạ tầng Hệ thống cấp điện: Công trình năng lượng, cấp IV.
- Các hạng mục San nền, Thoát nước dọc, Vĩa hè + cây xanh, điện chiếu sáng và cấp nước phòng cháy và chữa cháy: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa.

5. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn tổng hợp Bình Minh.

6. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn tổng hợp Bình Minh.

7. Đơn vị thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Minh Trung thẩm tra các hạng mục hạ tầng kỹ thuật.

8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

8.1. Quy mô xây dựng, chỉ tiêu kỹ thuật:

Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư với diện tích khoảng 1,67ha theo quy hoạch chi tiết 1/500 đã được Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa phê duyệt tại Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 gồm các hạng mục: Đường giao thông, hệ thống cấp điện, san nền, thoát nước dọc, vĩa hè + cây xanh, điện chiếu sáng và cấp nước phòng cháy và chữa cháy.

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

8.2.1. Đường giao thông:

a) Quy mô các tuyến đường:

TT	Tuyến đường	Chiều dài (m)	Mặt đường (m)	Vĩa hè (bên trái/bên phải) (m)	Nền đường (m)
1	Tuyến 1	58,92	5,5	3/1,5	10,0
2	Tuyến 2	307,30	5,5	9/3	17,5
3	Tuyến 3	51,50	7,5	3/3	11,5
4	Tuyến 4	75,92	5,5	3/1,5	10,0
5	Tuyến 5	315,20	5,0		5,0

- Đường phố nội bộ đối với các tuyến 1, 2, 3, 4 vận tốc thiết kế $V_{tk} = 30\text{km/h}$. Tuyến 5 thiết kế đường bê tông nông thôn cấp B; vận tốc thiết kế $V_{tk} = 20\text{km}$.

- Mặt đường bê tông nhựa đối với các tuyến 1, 2, 3 và 4; tải trọng trục tính toán 100kN; Mô đun đàn hồi yêu cầu 120 Mpa. Mặt đường bê tông xi măng đối với tuyến số 5.

- Độ dốc ngang mặt đường 2%, vĩa hè 1,5%.

- Hệ thống an toàn giao thông.

b) Giải pháp thiết kế:

- Bình đồ, trắc dọc tuyến: Thiết kế tuân theo hướng tuyến quy hoạch được duyệt về cao độ, tọa độ các điểm, các nút giao thông.

- Trắc ngang tuyến: Theo quy mô các tuyến đường.

- Nền đường: Chủ yếu là nền đắp, nền đường đất đắp từng lớp, đầm chặt $K \geq 0,95$ bảo cường độ $CBR \geq 4$ sau khi vét hữu cơ, 50cm trên cùng đầm chặt $K \geq 0,98$ đảm bảo cường độ $CBR \geq 6$; trường hợp gặp nền đất yếu phải tiến hành xử lý theo quy định. Ta luy nền đắp $m = 1:1,5$.

- Kết cấu mặt đường:

+ Tuyến 1, 2, 3 và 4: Kết cấu mặt đường tính từ trên xuống như sau: Bê tông nhựa (BTNC 12,5) dày 04cm, Bê tông nhựa (BTNC 19) dày 05cm; Lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm đầm chặt $K \geq 0,98$.

+ Tuyến 5: Kết cấu mặt đường BTXM M250 dày 18cm, trên lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 12cm, nền đường bóc đất hữu cơ dày 30cm.

- Bó vỉa: Bằng bê tông M300, thi công bán lắp ghép.

- Nút giao thông: Thiết kế các nút giao thông cùng mức, bán kính đường cong tại nút tuân theo quy hoạch được duyệt, kết cấu mặt đường theo kết cấu mặt đường tuyến chính.

- Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo Quy chuẩn về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT.

8.2.2. Hệ thống cấp điện:

a) Phần đường dây 22kV:

- Kết cấu lưới điện: Cấp điện áp 22kV, kết cấu lưới điện 3 pha, 3 dây

- Toàn bộ dây dẫn trung áp xây dựng mới dùng loại dây nhôm lõi thép bọc cách điện XLPE. Ký hiệu: AC/XLPE/PVC-70/11mm²-12,7/24/kV.

- Các giải pháp đấu nối và phụ kiện:

+ Cách điện đứng sử dụng loại bằng hợp chất polymer loại kèm theo kẹp giữ dây. Ký hiệu: SĐ-22. Các vị trí đỡ thẳng, đầu lèo dùng 01 cách điện đứng đỡ dây dẫn cho 1 pha.

+ Cách điện chuỗi sử dụng ở vị trí néo cuối, néo dùng và néo góc dùng loại hợp chất polymer. Liên kết chuỗi bằng móc chữ U chịu lực tối thiểu 70kN.

+ Khoá néo dây dẫn dùng loại lớn hơn hoặc bằng 70kN, phù hợp với lực phá hủy cơ học của chuỗi néo và được mạ kẽm nhúng nóng.

+ Hệ số an toàn của cách điện: Ở chế độ làm việc bình thường không nhỏ hơn 2,7; ở chế độ nhiệt độ trung bình năm không có gió không nhỏ hơn 5; ở chế độ sự cố không nhỏ hơn 1,8.

+ Dây bọc trung thế phải sử dụng các phụ kiện phù hợp tránh các trường hợp làm hư hỏng lớp vỏ bọc cách điện (do sử dụng không đúng phụ kiện), làm mất an toàn trong quá trình vận hành và gây sự cố.

+ Nối dây dẫn: Do tuyến đường dây ngắn và để đảm bảo an toàn trong quản lý vận hành nên không được phép nối dây trên suốt chiều dài tuyến.

+ Khoá néo dây dẫn: Khoá néo dây dẫn được sử dụng cho các vị trí néo dây dẫn (néo góc, néo dưng, néo cuối).

+ Giáp núu dây dẫn được sử dụng cho các vị trí néo dây dẫn (néo góc, néo dưng).

- Các biện pháp bảo vệ:

+ Sử dụng tiếp địa cột kiểu LR-8: Gồm 8 cọc bằng thép L63x63x6 mạ kẽm nhúng nóng, mỗi cọc dài 2m làm cọc nối đất và được chôn sâu dưới mặt đất 0,8m. Các cọc được nối với nhau bằng thép tròn CT3 $\Phi 12$ mạ kẽm với liên kết hàn điện. Trị số điện trở nối đất phải đảm bảo $R_{nd} \leq 15\Omega$ (đối với vùng có điện trở suất của đất $100 \Omega m < \rho \leq 500\Omega m$) ở bất kỳ thời điểm nào trong năm.

+ Tất cả các vị trí cột đường dây 22kV có tiếp địa phải được nối đất đầu cột với xà; các chi tiết bằng thép của tiếp địa cột phải được mạ kẽm nhúng nóng với bề dày lớp mạ tối thiểu phải đạt $85\mu m$.

+ Hành lang tuyến theo đúng Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

+ Đánh số thứ tự cột, các thiết bị đóng cắt; lắp đặt biển báo an toàn và treo cờ chỉ thị pha trên lưới điện theo quy định.

+ Tại vị trí cột đầu nối có lắp cờ chỉ thị pha được treo trực tiếp trên dây dẫn, theo thứ tự vàng, xanh, đỏ. Cờ chỉ thị được làm bằng mica màu, kích thước của cờ là $100 \times 50 \times 3$, có lỗ khoan để gắn trực tiếp vào dây dẫn.

- Phần xây dựng đường dây:

+ Cột: Dùng cột bê tông ly tâm đúc sẵn cao 14 m. Ký hiệu: NPC.I-14-190-6,5, NPC.I-14-190-8,5; NPC.I-14-190-11,0.

+ Móng cột: Dùng móng bê tông cốt thép đổ tại chỗ. Đúc móng bằng bê tông đá 2×4 M150, lót móng bê tông đá 4×6 M150. Chèn khe hở giữa cột và móng bằng bê tông đá 1×2 M200. Khi thi công phải đúc móng trước khi dựng cột. Ký hiệu: MT-4, MTĐ-2, MTĐ-3.

+ Cờ dề và xà: Dùng thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là 0,085mm. Ký hiệu: CDGC-100.

b) Phần trạm biến áp:

- Vị trí và dung lượng trạm:

+ Chọn 01 máy biến áp 3 pha với dung lượng máy 100kVA-22/0,4 kV, được đặt trong khu dân cư, cuối đường dây trung thế trên không xây dựng mới.

+ Phía trung áp của máy biến áp dùng sơ đồ khối đường dây - máy biến áp.

+ Phía hạ áp của máy biến áp dùng sơ đồ 1 lộ tổng cho 1 lộ ra.

+ Tủ điện hạ áp của máy biến áp đặt tại trạm gồm có 2 ngăn: 01 ngăn bố trí aptômát, 01 ngăn bố trí đồng hồ đo đếm điện năng để tiện cho việc vận hành và quản lý sau này.

- Các biện pháp bảo vệ:
 - + Bảo vệ ngắn mạch và quá tải phía trung áp dùng cầu chì tự rơi (FCO-24kV) đặt ngoài trời.
 - + Bảo vệ sóng quá điện áp truyền từ đường dây vào trạm dùng chống sét van (LA-18kV).
 - + Bảo vệ ngắn mạch và quá tải phía hạ áp bằng aptômat tổng loại 3 pha, 3 cực 150A - 600V.
- Các giải pháp đấu nối:
 - + Đấu nối từ đường dây trung thế đến FCO dùng loại dây đồng bọc XLPE 24kV. Ký hiệu: AC/XLPE-70/11mm² – 12.7/22(24) kV.
 - + Đấu nối từ FCO đến MBA dùng loại dây đồng bọc XLPE 24kV. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC 50 mm² – 12.7/22(24) kV.
 - + Đấu nối từ MBA đến aptômat tổng dùng cáp 1 ruột đồng bọc cách điện XLPE, vỏ bọc PVC. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC(3x150+1x95) mm² và được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE Φ105/80.
- Nối đất:
 - + Tại trạm biến áp xây dựng mới 01 hệ thống nối đất cọc tia hỗn hợp. Ký hiệu: LR-16 gồm 16 cọc bằng thép L63x63x6 mạ kẽm nhúng nóng dài 2 mét làm các cọc nối đất. Thanh tiếp đất bằng thép tròn CT3Φ12 mạ kẽm. Liên hệ giữa các cọc và thanh bằng liên kết hàn điện.
 - + Dây nối từ vỏ các thiết bị, chống sét van, trung tính MBA đến dây tiếp địa cột, dùng dây đồng trần M35. Riêng dây tiếp địa nối từ hệ thống tiếp địa trạm lên đến xà lắp FCO, LA phải dùng dây thép tròn CT3Φ12 mạ kẽm. Trị số điện trở nối đất trung tính của máy biến áp theo qui định tại Điều I.7.52 của Quy phạm trang bị điện 11TCN-18-2006 và các chi tiết tiếp đất khác thực hiện theo Điều II.5.72 của Quy phạm trang bị điện 11TCN-19-2006.
 - + Tất cả các chi tiết nối đất đều được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 85 μm.
- Đo lường: Đếm điện năng tác dụng bằng công tơ điện tử 3 pha 220/380V-5A đặt tại tủ điện TBA thông qua biến dòng (TI) 150/5A thuộc TBA TĐC Nghĩa Lâm.
- Phần xây dựng:
 - + Trạm biến áp được xây dựng theo kiểu đặt trên 2 cột BTLT 14m, đặt máy ngoài trời, xung quanh không có tường rào bảo vệ.
 - + Hệ xà trạm: Gia công bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là 0,085 mm.
 - + Tại trạm biến áp có gắn biển tên trạm biến áp, biển cấm trèo và cờ chỉ thị thứ tự pha. Cờ chỉ thị pha được treo trực tiếp trên dây dẫn theo thứ tự vàng, xanh, đỏ. Cờ chỉ thị được làm bằng mica màu, kích thước của cờ là 100x50x3, có khoan lỗ để gắn trực tiếp vào dây dẫn.
 - + Tại các vị trí đầu dây của các thiết bị điện như máy biến áp, cầu chì tự rơi sử dụng loại chụp cách điện bằng polymer để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

c) Phần đường dây 0,4kV:

- Dây dẫn: Kết cấu lưới điện 3 pha - 4 dây.

Dây dẫn cáp ngầm hạ áp dùng loại cáp 4 lõi bằng đồng có băng thép bảo vệ và lớp cách điện là XLPE, vỏ bọc PVC. Ký hiệu: Cu/XLPE/DSTA/PVC (3x120+1x70) mm²-600V; Cu/XLPE/DSTA/PVC(3x95+1x50) mm²-600V.

- Các biện pháp bảo vệ

+ Bảo vệ ngắn mạch và quá tải xuất tuyến hạ thế bằng aptômat loại 3 pha, 3 cực.

+ Tiếp địa xây dựng mới sử dụng tiếp địa lặp lại kiểu LR-4: Gồm 4 cọc bằng thép L63x6 mạ kẽm, mỗi cọc dài 2m làm cọc nối đất và được chôn sâu dưới mặt đất 0,8m. Các cọc được nối với nhau bằng thép tròn CT3 □12 mạ kẽm với liên kết hàn điện. Trị số điện trở nối đất phải đảm bảo $R_{nd} \leq 30\Omega$ ở bất kỳ thời điểm nào trong năm. Các vị trí cột hạ thế có bố trí tiếp địa cần tuân thủ theo Quy phạm trang bị điện và các quy định hiện hành.

+ Tất cả các vị trí cột đều có số thứ tự cột đặt ở vị trí dễ nhìn thấy nhất để thuận tiện cho việc quản lý vận hành và báo hiệu cho nhân dân qua lại dưới đường dây. Đánh số thứ tự cột; lắp đặt biển báo an toàn và treo cờ chỉ thị pha trên lưới điện theo quy định của Tổng công ty Điện lực Miền Trung ban hành kèm theo Văn bản số 2897/EVNCPK-KT, ngày 23/4/2018 của EVNCPK qui định đánh số cột và biển tên cột trên lưới điện EVNCPK.

- Phần xây dựng đường dây:

+ Móng tủ được đúc tại chỗ bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200; lót móng bằng bê tông đá 4x6 M150.

+ Tủ điện sinh hoạt được gắn chặt trên móng tủ bằng bulông.

- Hồ cáp sau tủ điện:

+ Hồ cáp sau tủ điện được xây dựng ngay sau móng tủ điện và được liên kết với móng tủ điện bằng vữa xi măng.

+ Hồ cáp sau tủ điện có lắp đặt ống luồn cáp trực chính và ống luồn cáp đến hộ tiêu thụ.

- Hồ cáp phụ (sử dụng tại vị trí khu dân cư): được xây dựng tại vị trí ranh giới giữa 2 hộ tiêu thụ, phục vụ cho việc đấu nối, kéo cáp vào nhà. Khoảng cách từ hồ cáp phụ đến chỉ giới xây dựng có thể được điều chỉnh phù hợp với thực tế thi công.

- Mương cáp chính: Cáp ngầm hạ thế đi từ cột hạ thế hiện có đến các tủ điện sinh hoạt và từ tủ điện sinh hoạt đến tủ điện sinh hoạt khác, cáp được đặt trong mương cáp nền đất và mương cáp vượt đường cáp điện cho các khu dân cư.

- Cáp ngầm hạ thế đi trong mương cáp nền đất có độ sâu chôn cáp là 0,7m so với mặt nền, cáp nằm giữa lớp cát và được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE Φ 85/65, phía trên là lớp gạch thẻ và lớp đất đầm.

- Cáp ngầm hạ thế đi trong mương cáp vượt đường có độ sâu chôn cáp là 0,7m so với mặt nền, cáp được luồn trong ống thép Φ 80 dày 4mm. Hai đầu cáp vượt đường được bố trí hố ga.

- Mương cáp phụ (mương cáp dẫn đến các hộ dân cấp điện khu dân cư): Cáp ngầm hạ thế đi từ tủ điện sinh hoạt đến hộ sử dụng được đặt trong mương cáp phụ. Cáp ngầm đi trong mương cáp phụ có độ sâu chôn cáp là 0,4m so với mặt nền, cáp nằm giữa lớp cát và được luồn trong ống nhựa PVC $\Phi 42$, dày 3,2mm đến mỗi hộ dân. Tại vị trí rẽ nhánh vào hộ dân bố trí 1 hố cáp phụ để đầu nối cáp vào nhà. Cáp từ vị trí hố cáp phụ đến nhà dân được luồn trong ống nhựa PVC $\Phi 42$ dày 3,2mm (bao gồm 2 ống, mỗi ống luồn cáp cho 1 nhà).

- Các giải pháp kỹ thuật khác:

Tủ điện sinh hoạt được chế tạo và lắp đặt trọn bộ trên móng tủ điện sinh hoạt, bao gồm:

+ Vỏ tủ điện được gia công và vật liệu bằng inox 304 dày 2mm, có lắp sẵn các chi tiết để lắp đặt các thiết bị bảo vệ (áp tô mát).

+ Thiết bị bên trong cho mỗi tủ điện bao gồm: (Áp tô mát tổng 3 pha 50A - 600V: 1 cái (tùy theo phụ tải); Áp tô mát sau công tơ về hộ dân sử dụng loại 1 pha 32A - 600V: 8 cái; Thanh cái đồng bọc nhựa, thanh ray lắp thiết bị, gói cách điện, đầu cốt đồng và các phụ kiện cần thiết khác).

8.2.3. San nền:

San nền theo cao độ quy hoạch đã được phê duyệt. San nền theo lô, toàn bộ khu vực san nền được đắp với tổng diện tích khoảng 7.768m^2 , khối lượng đất đắp khoảng 10.077m^3 , bóc đất hữu cơ dày trung bình 0,3m. Đất đắp san nền được đầm chặt $K = 0,85$. Hướng thoát nước về phía các tuyến đường giao thông.

8.2.4. Thoát nước dọc:

a) Thoát nước mưa:

Thiết kế dưới vỉa hè dọc các tuyến đường giao thông. Sử dụng cống tròn ly tâm BTCT đúc sẵn đường kính $\Phi 400$, $\Phi 600$ và $\Phi 1000$, cống dưới đường chịu tải trọng H30-XB80, cống trên vỉa hè chịu tải trọng H10-X60, mỗi nối cống bằng gioăng cao su kết hợp chèn vữa xi măng. Nước mưa được thu gom và đầu nối thoát vào suối hiện trạng theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt; độ dốc dọc tuyến $i = (0,15 - 0,2)\%$. Giếng thăm trên vỉa hè bằng bê tông đá 1x2 M200; giếng thăm dưới đường bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M200); đập giếng thăm bằng đan BTCT (bê tông đá 1x2 M250) kết hợp đan gang định hình. Hố thu bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250) đập song chắn rác bằng gang.

b) Thoát nước thải:

- Thiết kế phía sau các lô đất ở theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Sử dụng mương B400 bằng bê tông đá 1x2 M200, đan đập bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250). Nước thải được thu gom về bể xử lý nước thải để xử lý trước khi đầu nối vào giếng thăm của hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt; độ dốc dọc tuyến $i = 0,35\%$. Hố ga bằng bê tông đá 1x2 M200, đan đập bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250).

- Bể xử lý nước thải: Kích thước bể LxBxH = (8,44x2,0x2,76)m, bể đặt ngầm dưới đất, cao độ nắp bể bằng cao độ sân nền hoàn thiện. Đáy bể dày 20cm bằng bê tông đá 4x6 M150, thành bể dày (20 - 30)cm kết cấu xây đá chẻ, đan dây bê dày 8cm bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250).

8.2.5. Via hè + cây xanh:

a) Via hè: Thiết kế dọc các tuyến đường giao thông theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Sử dụng gạch terrazzo kích thước (400x400x30) trên lớp bê tông đá 1x2 M150 dày 5,0cm và dốc về hướng đường giao thông với độ dốc bằng 1,5%.

b) Cây xanh: Thiết kế dọc các tuyến đường giao thông và dải đất cây xanh theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Hồ trồng cây trên vỉa hè đường kính 1,0m, thành hồ bằng bê tông đá 1x2 M200, khoảng cách trung bình giữa các hồ trồng cây 12m, cây xanh bóng mát trồng cây Bằng Lăng Tím. Dải đất cây xanh lồi đi lát gạch terrazzo kích thước (400x400x30) trên lớp bê tông đá 1x2 M150 dày 5,0cm, cây bóng mát trồng cây Phượng Vĩ, nền trồng cỏ Lá Gừng.

8.2.6. Điện chiếu sáng:

Thiết kế nằm trên vỉa hè dọc các tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Nguồn điện được đấu nối từ hệ thống cấp điện của khu dân cư. Trụ đèn sử dụng trụ thép mạ kẽm cần đèn đơn cao 8m, đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED công suất 80W (số lượng 10 bộ). Đường dây chiếu sáng đi ngầm, dây dẫn cấp nguồn sử dụng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC-4x6mm², chiều dài tuyến đường dây đi ngầm khoảng 310m; dây dẫn lên đèn sử dụng cáp M(3x2.5mm²).

8.2.7. Cấp nước phòng cháy và chữa cháy:

Thiết kế đường ống Cấp nước phòng cháy và chữa cháy chữa cháy sử dụng ống nhựa HDPE D100/110 dài khoảng 420m.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **11.431.721.000 đồng.**

(Bằng chữ: Mười một tỷ, bốn trăm ba mươi một triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	9.411.913.000 đồng.
- Chi phí thiết bị:	149.745.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	159.506.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	615.610.000 đồng.
- Chi phí khác:	550.579.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	544.368.000 đồng.

Nguồn vốn: Từ nguồn kinh phí bồi thường, GPMB của dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, giao chủ đầu tư:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt, sớm đưa công trình vào khai thác, phát huy có hiệu quả.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 2473/SXD-ĐT&HT ngày 21/8/2019.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa; Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh và Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.590.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tăng Bính